

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 739/2024/DS-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 717/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 570/2024/QĐST-DS, ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoài Nguyên T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: A1106, chung cư Florita, đường D4, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Hảo, sinh năm 1996.

Địa chỉ: D13/10C, tổ 8, ấp 4A, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Bị đơn: Ông Trần Văn TT, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Nhà không số (cạnh nhà số D16/16K), tổ 11, ấp 4B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được - Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Hảo trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn và quen biết từ trước; bà Nguyễn Hoài Nguyên T cho ông Trần Văn TT mượn nhiều lần tiền; Ngày 29/3/2023 bà T và ông TT có lập biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ với nội dung: “Ông TT xác nhận còn nợ bà T số tiền 377.455.600 đồng; ông TT cam kết đến hết ngày 31/7/2023 là thanh TT hết nợ; lãi suất không có”.

Ngày 07/4/2023 ông TT trả cho bà T số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 25/4/2023 ông TT trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng.

Số tiền còn lại 361.455.600 đồng đến nay ông TT vẫn không thanh TT và trốn tránh nghĩa vụ.

Sau khi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ngày 10/3/2024 ông TT trả thêm cho bà T số tiền 40.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn TT trả một lần số tiền còn nợ là 321.455.600 đồng; không yêu cầu tính lãi suất.

Chỉ yêu cầu một mình ông TT chịu trách nhiệm đối với khoản nợ trên.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Trần Văn TT vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn tố tụng.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Trần Văn TT có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của ông Trần Văn TT; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông TT vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông TT và bà Hảo theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Hoài Nguyên T có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Hiện nay chưa kết hôn với ai. Bà T cam kết khoản vay là tài sản riêng và bà chỉ yêu cầu một mình ông TT chịu trách nhiệm đối với khoản vay. Do đó, không cần đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 321.455.600 đồng; không yêu cầu tính lãi suất..

[2.1]. Căn cứ biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 29/3/2023 giữa ông Trần Văn TT và bà Nguyễn Hoài Nguyên T thể hiện nội dung:

“Ông TT xác nhận còn nợ bà T số tiền 377.455.600 đồng; ông TT cam kết đến hết ngày 31/7/2023 là thanh TT hết nợ; lãi suất không có”.

Như vậy có cơ sở xác định ông Trần Văn TT có vay bà Nguyễn Hoài Nguyên T số tiền 377.455.600 đồng.

[2.2] Bà Nguyễn Hoài Nguyên T và người đại diện thừa nhận:

Ngày 07/4/2023 ông TT trả cho bà T số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 25/4/2023 ông TT trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 10/3/2024 ông Toàn trả thêm cho bà T số tiền 40.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn TT trả một lần số tiền còn nợ là 321.455.600 đồng; không yêu cầu tính lãi suất.

Qua đó thể hiện ông Trần Văn TT đã đồng ý với số tiền còn nợ trong bản cam kết xác nhận nợ ngày 29/3/2023 và đã tiến hành trả nợ dần với số tiền nêu trên.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Trần Văn TT còn nợ bà Nguyễn Hoài Nguyên T số tiền 321.455.600 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu không tính lãi suất đối với khoản tiền mà ông TT còn nợ: Xét đây là sự tự nguyện, không trái đạo đức, không trốn tránh nghĩa vụ và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”*

Đồng thời tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa trả nợ của bên vay: *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh TT nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã vay 321.455.600 đồng là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận; buộc ông Trần Văn TT trả cho bà Nguyễn Hoài Nguyên T số tiền 321.455.600 đồng.

Các đương sự cho vay mượn tiền nhưng không thỏa thuận về lãi suất, không có yêu cầu về lãi suất; do đó, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra để giải quyết.

[4] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Ông Trần Văn TT đã được Tòa án triệu tập để ghi nhận ý kiến, yêu cầu, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/ Buộc ông Trần Văn TT trả cho bà Nguyễn Hoài Nguyên T số tiền 321.455.600 (Ba trăm hai mươi một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm) đồng.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn TT chịu 16.072.780 (Mười sáu triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho bà Nguyễn Hoài Nguyên T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.436.390 (Chín triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0021036 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).



2 000012 885204

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến